TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14A**/2025/DS-ST
Ngày: 24 và 27/02/2025.
V/v:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Trần Thị Lệ.

2. Bà: Lê Thị M.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Sơn Tiến** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 326/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa 44/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm: 1956. (Có mặt)

Bà **Phan Kim T**, sinh năm: 1965. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 57 đường Mậu Thân, khu phố Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Ông **Lâm Chí D**, sinh năm: 1975. (Vắng mặt)

Bà **Thị Ngọc T**, sinh năm: 1983. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: G7-Lô 14 đường Văn Cao, khu phố 5, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Phan Thị M**, sinh năm: 1954. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 20 đường Nguyễn Trung Trực, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Kim T và ông Nguyễn Văn B thống nhất trình bày:*

Do quen biết nên bà T và ông B có cho vợ chồng ông D, bà T2 vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng) và 08 chỉ vàng 24K. Cụ thể như sau:

- Ngày 03/12/2020, bà T và ông B cho ông D và bà T2 vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng, thời hạn cho vay là 06 tháng tính kể từ ngày 03/12/2020. Tuy nhiên, biên nhận nợ chỉ được ký kết giữa bà T2 với ông B ngày 03/12/2020. Đối với khoản nợ vay này, bà T2 và ông D chỉ mới đóng lãi cho bà T và ông B được 04 lần thì ngưng không đóng nữa, cũng không thanh toán nợ gốc cho vợ chồng bà T, ông B.

- Ngày 25/01/2021, do chỗ tình nghĩa nên bà T và ông B tiếp tục cho ông D và bà T2 vay tiếp số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), thỏa thuận đến ngày 25/02/2022 sẽ trả lại, không có ghi lãi suất cụ thể trong biên nhận đề ngày 25/01/2021, nhưng thỏa thuận miệng là 3%/tháng, bà T2 có ký giấy mượn tiền với bà T. Đối với khoản nợ vay này, bà T2 và ông D chỉ mới đóng lãi cho bà T và ông B được 03 lần thì ngưng không đóng nữa, cũng không thanh toán nợ gốc cho vợ chồng bà T, ông B.

- Ngoài ra, vào tháng 01/2021 không nhớ rõ ngày, bà T và ông B có cho bà T2 vay thêm số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và 08 chỉ vàng 24K nhưng không có làm biên nhận, đồng thời giữa hai bên không có thỏa thuận lãi suất vay vì thời hạn vay chỉ 10 ngày. Đến hạn trả nợ, ông D và bà T2 cũng không thanh toán nợ gốc cho vợ chồng bà T, ông B như đã hứa hẹn.

Bà T, ông B đã nhiều lần tìm kiếm, đôn đốc, nhắc nhở việc trả tiền và vàng, nhưng ông D và bà T2 không thực hiện. Mặc dù bà T2 chỉ ký các biên nhận nợ một mình nhưng việc vay tiền thì ông D là chồng bà T2 đều biết và đồng ý việc vay tiền này để sử dụng chung trong nhà và có hứa hẹn sẽ tìm cách trả cho vợ chồng bà T, ông B.

Khi bà T2 vay tiền thì ông D có đưa cho bà T2 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 191599, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH000294, do UBND thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 25/10/2010, do bà Phan Thị M (là mẹ ruột của ông D) đứng tên chủ quyền để bà T2 đưa cho bà T, ông B giữ, nhằm thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản nợ vay, việc thế chấp chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có làm văn bản gì. Việc thế chấp giấy chứng nhận này, bà M có biết và vợ chồng bà T, ông B có nhiều lần đến tìm bà M để nói chuyện và giao trả giấy chứng nhận, nhưng bà M không nhận lại nên vợ chồng bà T, ông B hiện vẫn đang bảo quản giấy chứng nhận nói trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Kim T và ông Nguyễn Văn B xác nhận yêu cầu bà Thị Ngọc T và ông Lâm Chí D phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền nợ vay là 470.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng), và lãi suất tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày 03/5/2021 cho đến khi xét xử đối với khoản nợ vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi suất tính kể từ ngày 25/5/2021 cho đến khi xét xử đối với khoản nợ vay 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Đối với yêu cầu số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và 08 chỉ vàng 24K, bà T và ông B xác nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

** Bị đơn bà Thị Ngọc T và ông Lâm Chí D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham gia tố tụng.*

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham gia tố tụng.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm:

- Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định. Đối với bị đơn ông Lâm Chí D và bà Thị Ngọc T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị M thì chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về thời hạn giải quyết vụ án thì chưa đảm bảo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thì có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Kim T và ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu bị đơn ông Lâm Chí D và bà Thị Ngọc T cùng liên đới trả số tiền nợ vay 470.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng) và chấp nhận tính lãi suất theo yêu cầu của ông B và bà T; đối với yêu cầu ông D, bà T2 trả số tiền nợ vay 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và 08 chỉ vàng 24K, ông B và bà T đã rút yêu cầu tại phiên tòa, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Phan Kim T, ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Thị Ngọc T và ông Lâm Chí D có địa chỉ tại G7-Lô 14 đường Văn Cao, khu phố 5, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang phải trả số tiền nợ vay là 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng) và 08 chỉ vàng 24K, cùng lãi suất tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay

tài sản", và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Thị Ngọc T và ông Lâm Chí D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của bà T2, ông D và bà M là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Thị Ngọc T, ông Lâm Chí D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị M.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Phan Kim T, ông Nguyễn Văn B yêu cầu bà Thị Ngọc T và ông Lâm Chí D phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền nợ vay là 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng) và 08 chỉ vàng 24K, cùng lãi suất tính theo quy định của pháp luật cho đến khi xét xử . Hội đồng xét xử nhận định:

Đối với yêu cầu số nợ vay 470.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng): Nguyên đơn bà T và ông B có cung cấp cho Tòa án "Giấy mượn tiền" đề ngày 03/12/2020 và ngày 25/01/2021 do bà Thị Ngọc T ký vay, thể hiện rõ số tiền vay và thời gian vay. Theo phía nguyên đơn trình bày thì Biên nhận này là do bà Thị Ngọc T tự viết và ký tên. Đồng thời, quá trình tố tụng bị đơn bà Thị Ngọc T và ông Lâm Chí D không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ có liên quan đến vụ việc tranh chấp của hai bên, không đến Tòa án tham dự phiên tòa, và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bà T2 và ông D đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ vào "Giấy mượn tiền" đề ngày 03/12/2020 và ngày 25/01/2021 để xác định bị đơn bà Thị Ngọc T và ông Lâm Chí D có thiếu bà Phan Kim T và ông Nguyễn Văn B số tiền 470.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng). Do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết, nên phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà T2 và ông D phải trả số tiền nêu trên là có cơ sở nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu số nợ vay 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và 08 chỉ vàng 24K: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T và ông B thống nhất xác nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền, vàng này nữa. Xét, yêu cầu này của bà T và ông B là tự nguyện, không trái quy định nào của pháp luật nên được chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của ông B, bà T.

[4] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: Bà Phan Kim T và ông Nguyễn Văn B yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 03/5/2021 cho đến khi xét xử đối với khoản nợ vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi suất tính kể từ ngày 25/5/2021 cho đến khi xét xử đối với khoản nợ

vay 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn, nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tính lãi luất trên số tiền vay là có cơ sở, nên được chấp nhận.

- Xét thấy, trong nội dung "Giấy mượn tiền" đề ngày 03/12/2020 có thể hiện lãi suất khi vay là 3%/tháng. Vì vậy, đối với khoản nợ vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), áp dụng khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì lãi suất được tính là 20%/năm, tương ứng là 1,66%/tháng, tiền lãi được tính cụ thể như sau: Yêu cầu tính lãi kể từ ngày 03/5/2021 đến ngày 26/02/2025 (ngày xét xử) là 45 tháng 23 ngày: 200.000.000 đồng x 1,66% x 45 tháng 21 ngày = **151.956.333** đồng (Một trăm năm mươi mốt triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

- Trong nội dung "Giấy mượn tiền" đề ngày 25/01/2021 có thể hiện lãi suất, nhưng không đề rõ là lãi suất bao nhiêu. Vì vậy, đối với số nợ vay 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), áp dụng khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì lãi suất được tính là 10%/năm, tương ứng là 0,833%/tháng, tiền lãi được tính cụ thể như sau: Yêu cầu tính lãi kể từ ngày 25/5/2021 đến ngày 26/02/2025 (ngày xét xử) là 45 tháng 01 ngày: 270.000.000 đồng x 0,833% x 45 tháng 01 ngày = **101.284.470** đồng (Một trăm lẻ một triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi đồng).

Tổng cộng nợ gốc và lãi là: **723.240.803** đồng (Bảy trăm hai mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn tám trăm lẻ ba đồng).

[5] Về trách nhiệm liên đới của ông Lâm Chí D: Đối với số nợ vay 470.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng) mà bà T2 đã vay của bà T và ông B, mặc dù ông D không có ký tên vào các biên nhận mượn tiền, nhưng bà T2 và ông D là vợ chồng, đây là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân, đồng thời bà T và ông B cũng cung cấp được chứng cứ chứng minh ông D biết rõ sự việc vay tiền này và nhiều lần thay mặt bà T2 hứa hẹn trả nợ cho vợ chồng bà T, ông B, nên căn cứ vào Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông Lâm Chí D phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà Thị Ngọc T.

[6] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC191599, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH000294, do UBND thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 25/10/2010, do bà Phan Thị M đứng tên chủ quyền. Bà Thị Ngọc T và ông Lâm Chí D khi vay tiền đã đưa giấy chứng nhận này cho bà T và ông B để thế chấp cho các khoản vay. Việc bà T, ông B nhận thế chấp và bảo quản giấy chứng nhận thuộc quyền sở hữu của bà Phan Thị M là không đúng quy định của pháp luật, đồng thời quá trình tố tụng bà Phan Thị M cũng không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến về việc thế chấp này. Tại phiên tòa, ông B và bà T đều tự nguyện đồng ý giao

trả giấy chứng nhận nêu trên cho bà Phan Thị M, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T và ông B.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim T, ông Nguyễn Văn B được chấp nhận một phần nên bà Thị Ngọc T và ông Lâm Chí D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch theo quy định của pháp luật trên số tiền phải trả cho bà T, ông B là: 20.000.000 đồng + (323.240.803 đồng x 4%) = **32.929.632** đồng (Ba mươi hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn bà Phan Kim T, ông Nguyễn Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **16.270.000** đồng (Mười sáu triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004710 ngày 14/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Điều 351, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466; khoản 1, 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ: Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ: khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Kim T và ông Nguyễn Văn B.

Buộc bị đơn bà Thị Ngọc T và ông Lâm Chí D cùng liên đới trả cho nguyên đơn bà Phan Kim T và ông Nguyễn Văn B số tiền nợ vay gốc và lãi là: **723.240.803** đồng (Bảy trăm hai mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn tám trăm lẻ ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Kim T và ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu bà Thị Ngọc T và ông Lâm Chí D trả số tiền nợ vay 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và 08 chỉ vàng 24K.

[3] Buộc nguyên đơn bà Phan Kim T và ông Nguyễn Văn B giao trả cho bà Phan Thị M 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 191599, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH000294, do UBND thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 25/10/2010, do bà Phan Thị M đứng tên chủ quyền.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Thị Ngọc T và ông Lâm Chí D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là: **32.929.632** đồng (Ba mươi hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn bà Phan Kim T, ông Nguyễn Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **16.270.000** đồng (Mười sáu triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004710 ngày 14/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Rạch Giá, ngày 27 tháng 02 năm 2025

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 27 tháng 02 năm 2025.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: Trần Thị Lệ.

2. Bà: Lê Thị M.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 326/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

* Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm: 1956. (Có mặt)

Bà **Phan Kim T**, sinh năm: 1965. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 57 đường Mậu Thân, khu phố Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Ông **Lâm Chí D**, sinh năm: 1975. (Vắng mặt)

Bà **Thị Ngọc T**, sinh năm: 1983. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: G7-Lô 14 đường Văn Cao, khu phố 5, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Phan Thị M**, sinh năm: 1954. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 20 đường Nguyễn Trung Trực, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử đồng thống nhất 3/3, quyết định:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Điều 351, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466; khoản 1, 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ: Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ: khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Kim T và ông Nguyễn Văn B.

Buộc bị đơn bà Thị Ngọc T và ông Lâm Chí D cùng liên đới trả cho nguyên đơn bà Phan Kim T và ông Nguyễn Văn B số tiền nợ vay gốc và lãi là: **723.240.803** đồng (Bảy trăm hai mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn tám trăm lẻ ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Kim T và ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu bà Thị Ngọc T và ông Lâm Chí D trả số tiền nợ vay 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và 08 chỉ vàng 24K.

[3] Buộc nguyên đơn bà Phan Kim T và ông Nguyễn Văn B giao trả cho bà Phan Thị M 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 191599, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH000294, do UBND thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 25/10/2010, do bà Phan Thị M đứng tên chủ quyền.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Thị Ngọc T và ông Lâm Chí D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là: **32.929.632** đồng (Ba mươi hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn bà Phan Kim T, ông Nguyễn Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **16.270.000** đồng (Mười sáu triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004710 ngày 14/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi ……. giờ …..... phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị M **Trần Thị Lệ** **Vũ Thị Phương Thanh**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh